

Bản án số: **94/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/6/2025
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiêm Huol.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2025, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Xà Q**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền (nhận thủ tục tố tụng): Ông **Phạm Quốc H**, sinh năm 1991. Địa chỉ: số 314, T, khóm A, phường B, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Xà Q trình bày: Bà và ông N có tổ chức đám cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/04/2009 và Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/02/2005, hiện đang sống chung với bà. Thời gian đầu, bà và ông N chung sống với

nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 bà và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà và ông N đã ly thân từ năm 2020. Nay nguyên đơn bà Thạch Thị Xà Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh N ; Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/04/2009, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh N cấp dưỡng cho con. Con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/02/2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh N : Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Xà Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Q và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà Q và ông N sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông N cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q .

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/04/2009 và Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/02/2005, hiện đang sống chung với bà Q. Xét thấy, cháu T hiện đang sống chung với bà Q và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ; con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/02/2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần; riêng ông N không có ý kiến gì. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của cháu T. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận bà Q không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Xà Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Xà Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/04/2009 cho bà Thạch Thị Xà Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/02/2005 đã trưởng thành,

phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận bà Thạch Thị Xà Q không yêu cầu ông Nguyễn Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Thạch Thị Xà Q phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001267 ngày 10/4/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa